BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NHO QUẾ 1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

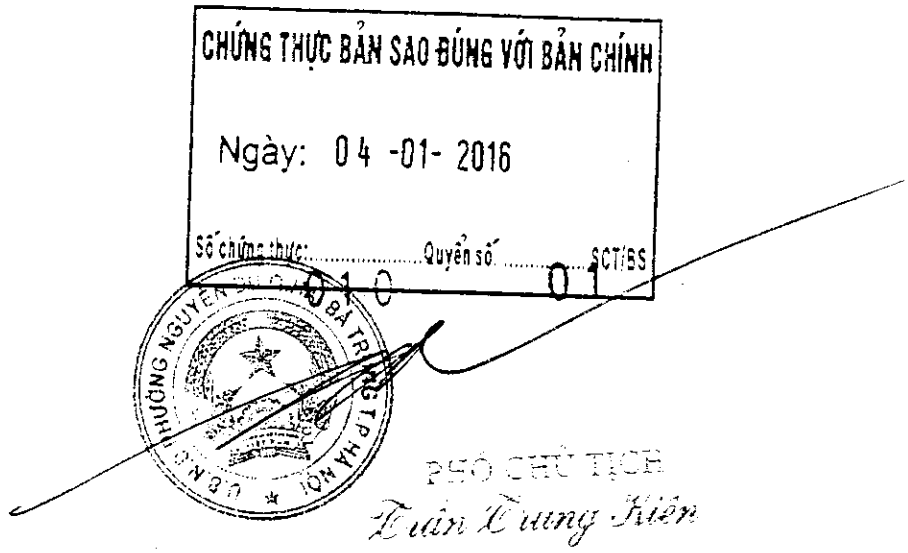

Hà Giang - Tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000024 do UBND tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 11/01/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 1 ngày 14/3/2013 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 2 ngày 17/01/2014. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1003000065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2007; Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 5100238887 cấp thay đổi lần thứ hai (02) ngày 23 tháng 7 năm 2009, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty: Số 36 Lê Quý Đôn- Phường Nguyễn Trãi - Thành phố Hà Giang - Tỉnh Hà Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch
	Ông Vũ Đức Thuấn	Ủy viên
	Ông Đinh Đăng Khoa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25/6/2014)
	Ông Nguyễn Đăng Phương	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Nhân	Ủy viên
	Ông Trần Anh Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25/6/2014)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Đinh Đăng Khoa	Giám đốc
	Ông Nguyễn Phú Xuyên	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NHO QUẾ 1

Đinh Đăng Khoa
Giám đốc
Hà Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building
Số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội
T +84 (4) 3 783 2121
F +84 (4) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số. 156/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1, được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

An independent member firm of MOORE STEPHENS INTERNATIONAL LIMITED

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 1.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh về thay đổi cổ đông theo nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 20/12/2014.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 5.9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Vốn điều lệ của Công ty chưa huy động đủ so với Vốn điều lệ theo Giấy Đăng ký kinh doanh.

Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1

Vũ Xuân Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2360 -2013-075-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**10.517.943.503**	**9.763.537.856**
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**7.958.134**	**98.252.483**
1. Tiền	111		7.958.134	98.252.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**8.484.335.610**	**8.888.340.746**
2. Trả trước cho người bán	132		7.112.960.551	7.512.960.551
5 Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.371.375.059	1.375.380.195
V- Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.025.649.759**	**776.944.627**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		769.676.337	75.595.671
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.3	1.255.973.422	701.348.956
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**51.640.131.857**	**46.266.920.321**
II Tài sản cố định	**220**		**51.640.131.857**	**46.266.920.321**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	225.806.726	362.820.948
- Nguyên giá	*222*		*913.015.340*	*913.015.340*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(687.208.614)*	*(550.194.392)*
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	51.414.325.131	45.904.099.373
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**62.158.075.360**	**56.030.458.177**

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**14.308.032.304**	**15.880.771.122**
I- Nợ ngắn hạn	**310**		**14.308.032.304**	**15.880.771.122**
2. Phải trả người bán	312		11.900.703.522	5.441.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.6	107.792.386	109.517.891
5. Phải trả người lao động	315		2.165.164.797	2.591.875.950
6. Chi phí phải trả	316	5.7	30.000.000	6.248.561.783
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.8	104.371.599	1.489.815.498
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**47.850.043.056**	**40.149.687.055**
I- Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.9**	**47.850.043.056**	**40.149.687.055**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		47.890.302.001	40.184.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(40.258.945)	(34.312.945)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**62.158.075.360**	**56.030.458.177**

Hà Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Hoàng Văn Chiến	Vũ Thị Thu Hiền	Đinh Đăng Khoa

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-
4.	Giá vốn hàng bán	11		-	-
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		-	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.10	342.419	4.343.049
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*			
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	3.000.000
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	**30**		**342.419**	**1.343.049**
11.	Thu nhập khác	31	5.11	34.450	-
12.	Chi phí khác	32	5.11	6.247.495	40.642.356
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**(6.213.045)**	**(40.642.356)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)**	**50**		**(5.870.626)**	**(39.299.307)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.12	75.374	335.762
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(5.946.000)**	**(39.635.069)**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.13	**(1,36)**	**(10,35)**

Hà Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Hoàng Văn Chiến	Vũ Thị Thu Hiền	Đinh Đăng Khoa

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1		2	3	4	5
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	01		**(5.870.626)**	**(39.299.307)**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***				
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(342.419)	(4.343.049)
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	08		**(6.213.045)**	**(43.642.356)**
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(335.762)	(1.399.302)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		**(6.548.807)**	**(45.041.658)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.232.087.961)	(6.566.324.951)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		342.419	4.343.049
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**(6.231.745.542)**	**(6.561.981.902)**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		4.773.000.000	4.300.000.000
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.075.000.000	1.506.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.700.000.000)	(100.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**6.148.000.000**	**5.706.000.000**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		**(90.294.349)**	**(901.023.560)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		**98.252.483**	**999.276.043**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	**7.958.134**	**98.252.483**

Hà Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Hoàng Văn Chiến	Vũ Thị Thu Hiền	Đinh Đăng Khoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Nho Quế 1 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000024 do UBND tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 11/01/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 1 ngày 14/3/2013 và Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 2 ngày 17/01/2014. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 1003000065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 21 tháng 09 năm 2007; Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 5100238887 cấp thay đổi lần thứ hai (02) ngày 23 tháng 7 năm 2009; đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 5 ngày 18 tháng 10 năm 2013. Vốn điều lệ Công ty là 250.000.000.000 đồng. Công ty đang thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi lần thứ 6 theo nội dung tại nghị quyết đại hội cổ đông bất thường ngày 20/12/2014.

Địa chỉ đăng ký: Số 36-Lê Quý Đôn-Phường Nguyễn Trãi -Thành phố Hà Giang -Tỉnh Hà Giang.

Danh sách cổ đông theo nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 20/12/2014.

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	2.427.000	24.270.000.000	9,71%
Công ty Cổ phần Da Giày Việt Nam	6.250.000	62.500.000.000	25%
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	480.000	4.800.000.000	1,92%
Công ty Cổ phần Cơ điện Quang Minh	5.000.000	50.000.000.000	20%
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco	6.843.000	68.430.000.000	27,37%
Nguyễn Đăng Phương	4.000.000	40.000.000.000	16%
Tổng cộng	**25.000.000**	**250.000.000.000**	**100%**

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất điện, đầu tư xây dựng và vận hành các dự án thủy điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng (đá, cát, sỏi);
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Thi công công trình cấp thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí nội thất;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Xây dựng công trình điện, viễn thông; Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nhiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên; Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2014 Số năm
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và tiền lãi ngân hàng của vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm 2014, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào công trình là 111.525.834 đồng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	836.961	53.586.495
Tiền gửi ngân hàng	7.121.173	44.665.988
Tổng	**7.958.134**	**98.252.483**

5.2 Phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Bảo hiểm thất nghiệp phải thu	-	1.726.275
Phải thu Công ty Netdi1	205.980.537	207.580.537
Phải thu Chu Trường Giang	198.066.268	198.066.268
Phải thu Cao Hải Ninh	324.739.009	324.739.009
Phải thu Đoàn Văn Vũ	163.680.154	163.680.154
Phải thu khác (điện thoại vượt định mức)	-	678.861
Phải thu Ông Lê Thế Đại (tiền Đền bù GPMB)	-	-
Công ty TNHH MTV XDTL Hải Hà Quảng Tây (Thuế GTGT)	478.909.091	478.909.091
Tổng	**1.371.375.059**	**1.375.380.195**

5.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	1.255.973.422	701.348.956
Tổng	**1.255.973.422**	**701.348.956**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

5.4 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	**803.156.249**	**109.859.091**	**913.015.340**
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	**803.156.249**	**109.859.091**	**913.015.340**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	**527.071.289**	**23.123.103**	**550.194.392**
Tăng trong năm	**100.394.531**	**36.619.691**	**137.014.222**
Khấu hao trong năm	100.394.531	36.619.691	137.014.222
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	**627.465.820**	**59.742.794**	**687.208.614**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	**276.084.960**	**86.735.988**	**362.820.948**
Tại 31/12/2014	**175.690.429**	**50.116.297**	**225.806.726**

5.5 Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	45.904.099.373	34.228.404.951
Tăng	5.510.225.758	11.675.694.422
Phân bổ trong năm	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	**51.414.325.131**	**45.904.099.373**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là toàn bộ chi phí xây dựng dự án "Thủy điện Nho Quế 1" huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần 2 ngày 17/01/2014 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang cấp. Tổng mức đầu tư 997.751.940.000 VND, trong đó vốn tự có là 184.110.190.000 VND; tiến độ dự án hoàn thành vào tháng 9/2016.

5.6 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	450.113	710.501
Thuế thu nhập cá nhân	107.342.273	108.807.390
Tổng	**107.792.386**	**109.517.891**

5.7 Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trích trước chi phí xây lắp dự án	-	6.208.561.783
Chi phí phải trả khác	30.000.000	40.000.000
Tổng	**30.000.000**	**6.248.561.783**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

5.8 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	17.006.440	32.506.750
Bảo hiểm xã hội	46.222.469	-
Bảo hiểm y tế	5.870.010	-
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.663.790	1.457.308.748
Công ty Cổ phần Bitexco Nho Quế	-	*1.446.776.167*
(Gốc vay và các khoản phải trả khác)		
Phải trả khác	*32.663.790*	*10.532.581*
Bảo hiểm thất nghiệp	2.608.890	-
Tổng	**104.371.599**	**1.489.815.498**

5.9 Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	**35.884.000.000**	**5.322.124**	**35.889.322.124**
Tăng trong năm	**4.300.000.000**	**-**	**4.300.000.000**
Tăng vốn	4.300.000.000	-	4.300.000.000
Giảm trong năm	**-**	**39.635.069**	**39.635.069**
Lỗ		39.635.069	**39.635.069**
Số dư tại 31/12/2013	**40.184.000.000**	**(34.312.945)**	**40.149.687.055**
Số dư tại 01/01/2014	**40.184.000.000**	**(34.312.945)**	**40.149.687.055**
Tăng trong năm	**7.706.302.001**	**-**	**7.706.302.001**
Tăng vốn	7.706.302.001	-	7.706.302.001
Giảm trong năm	**-**	**5.946.000**	**5.946.000**
Lỗ	-	5.946.000	**5.946.000**
Số dư tại 31/12/2014	**47.890.302.001**	**(40.258.945)**	**47.850.043.056**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	24.270.000.000	28.020.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn BITEXCO	-	7.364.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng BITEXCO	18.820.302.001	-
Tổng	**47.890.302.001**	**40.184.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

5.9 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	40.184.000.000	35.884.000.000
Vốn góp tăng trong năm	7.706.302.001	4.300.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	47.890.302.001	40.184.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phiếu	01/01/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**4.789.030**	**4.018.400**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**4.789.030**	**4.018.400**
Cổ phiếu phổ thông	4.789.030	4.018.400
Số lượng cổ phiếu được mua lại	**1.590.700**	-
Cổ phiếu phổ thông	1.590.700	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**4.789.030**	**4.018.400**
Cổ phiếu phổ thông	4.789.030	4.018.400

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

5.10 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	342.419	4.343.049
Tổng	**342.419**	**4.343.049**

5.11 Thu nhập/ Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác	-	-
Các khoản khác	34.450	-
Tổng	**34.450**	-
Chi phí khác		
Tiền phạt thuế, BHXH	3.842.359	40.642.356
Xóa nợ cá nhân bị chết	2.405.136	-
Tổng	**6.247.495**	**40.642.356**
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	**(6.213.045)**	**(40.642.356)**

5.12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.870.626)	(39.299.307)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	6.247.495	40.642.356
Chi phí không được khấu trừ	*6.247.495*	*40.642.356*
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập không chịu thuế	-	
Tổng thu nhập chịu thuế	**376.869**	**1.343.049**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	75.374	335.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**75.374**	**335.762**

5.13 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.946.000)	(39.635.069)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.946.000)	(39.635.069)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	4.368.507	3.828.964
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**(1,36)**	**(10,35)**

5.14 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Do Công ty đang thi công xây dựng Nhà máy thủy điện Nho Quế 1, mọi chi phí phát sinh đều được tập hợp vào giá trị công trình nhà máy thủy điện, chưa có doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh nên chưa phát sinh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố.

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hội đồng Quản trị		Thù lao Hội đồng Quản trị	405.600.000	405.600.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành		Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	1.034.101.915	1.139.525.007

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco	Đi vay	2.655.000.000	1.406.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	Đi vay	420.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải trả		
Công ty Cổ phần Năng lượng Bitexco	-	1.446.776.167

6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	7.958.134	98.252.483
Phải thu khác	1.371.375.059	1.375.380.195
Đầu tư tài chính khác	-	-
Tổng	**1.379.333.193**	**1.473.632.678**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay nợ	-	-
Phải trả người bán	11.900.703.522	5.441.000.000
Phải trả khác	104.371.599	1.489.815.498
Tổng	**12.005.075.121**	**6.930.815.498**

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

6. 2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết.

Rủi ro về giá

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng khách hàng cung cấp dịch vụ và đây là những khoản ứng trước giá trị cung ứng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thánh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	12.005.075.121	-	12.005.075.121
Chi phí phải trả	30.000.000	-	30.000.000
Tổng	**12.035.075.121**	**-**	**12.035.075.121**

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay và nợ	1.406.000.000	-	1.406.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	5.524.815.498	-	5.524.815.498
Chi phí phải trả	6.248.561.783	-	6.248.561.783
Tổng	**13.179.377.281**	**-**	**13.179.377.281**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) MẪU B 09-DN

6. 2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.958.134	-	7.958.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.371.375.059	-	1.371.375.059
Tổng	**1.379.333.193**	**-**	**1.379.333.193**

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	98.252.483	-	98.252.483
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.375.380.195	-	1.375.380.195
Tổng	**1.473.632.678**	**-**	**1.473.632.678**

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Hà Giang, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Hoàng Văn Chiến	Vũ Thị Thu Hiền	Đinh Đăng Khoa